

Số: 04/2023/QĐ-PQTT

Ngày: 05/04/2023

V/v: Yêu cầu Huỷ phán quyết Trọng tài

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HUỖ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Căn cứ vào Điều 71 của Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Điều 414; Điều 415 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo và Bản sao Phán quyết Trọng tài số 28/22 ngày 19/10/2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài đề ngày 16/11/2022 của Công ty A; Địa chỉ: xã Q, huyện A, Thành phố Hải Phòng do ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật là Nguyên đơn trong phán quyết trọng tài vụ kiện số 28/22. Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm V giải quyết tranh chấp giữa:

Nguyên đơn: Công ty D

Địa chỉ: Phường T, Thành phố V, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H – Giám đốc

Bị đơn: Công ty A

Địa chỉ: xã Q, huyện A, Thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Tổng giám đốc

NỘI DUNG YÊU CẦU

VÀ CĂN CỨ YÊU CẦU HUỖ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI:

Ngày 24/4/2019 Công ty D (là nguyên đơn trong Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 28/22) và Công ty A (là bị đơn trong Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 28/22) giao kết hợp đồng thuê mặt bằng số PVMS.0119005 (được sửa đổi lần 1 ngày 22/5/2019, sửa đổi lần 2 ngày 26/6/2019) (Hợp đồng 05) và Hợp đồng thuê dịch vụ hậu cần phục vụ thi công trên bãi số PVMS.0119006 (được sửa đổi lần 1 ngày 22/5/2019, sửa đổi lần 2 ngày 1/7/2019, sửa đổi lần 3 ngày 24/4/2020, sửa đổi lần 4 năm 2020, sửa đổi lần 5 ngày 1/10/2020) (Hợp đồng 06)

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, Nguyên đơn đã bàn giao cho Bị đơn bãi thi công theo biên bản số 01/19/A.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, Bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn. Do đó, ngày 27 tháng 4 năm 2022, Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn ra Trung tâm V với các yêu cầu sau:

- Buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền 14.329.351.772 đồng là tiền nợ gốc và lãi chậm trả đối với Hợp đồng 05 và Hợp đồng 06;

- Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Buộc Bị đơn phải di dời tài sản hoàn trả Nguyên đơn bãi thi công theo nguyên trạng khi nhận bàn giao trước 30 tháng 06 năm 2022. Nguyên đơn có quyền tháo dỡ tài sản của Bị đơn để trả lại mặt bằng bãi như khi Bị đơn nhận từ Nguyên đơn. Nguyên đơn không chịu trách nhiệm về việc mất mát, hư hại đối với tài sản của Bị đơn. Bị đơn phải trả toàn bộ chi phí tháo dỡ, di dời tài sản và mọi khoản nợ trước khi lấy tài sản ra khỏi căn cứ cảng của Nguyên đơn;

- Bị đơn tiếp tục phải chịu tiền thuê bãi theo đơn giá trong Hợp đồng số 05 đã ký cho đến khi hoàn tất việc bàn giao cho Nguyên đơn bãi thi công nguyên trạng như khi nhận.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, Nguyên đơn có Công văn số 0557/22/CTGK-TM&PTKD để bổ sung tài liệu chứng cứ và làm rõ cho yêu cầu khởi kiện như sau: tổng giá trị yêu cầu Bị đơn thanh toán nêu tại Mục III.12(ii) và III.12(iii) Đơn khởi kiện (tính đến 31/8/2021) là 1.053.441.080 đồng (210.688.216 đồng /tháng x 5 tháng). Đồng thời, Nguyên đơn làm rõ yêu cầu Hội đồng Trọng tài chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

Tại Phiên họp ngày 20 tháng 9 năm 2022, Nguyên đơn gửi đến Hội đồng Trọng tài văn bản “Ý kiến tự bảo vệ về vụ tranh chấp số 28/22” đề ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Theo đó, Nguyên đơn đưa ra yêu cầu cuối cùng và thay thế các yêu cầu khởi kiện đã đệ trình trước đó. Cụ thể:

- Buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền 14.329.351.772 đồng là tiền nợ gốc và lãi chậm trả đối với Hợp đồng 05 và Hợp đồng 06.

- Bị đơn tiếp tục phải chịu tiền thuê bãi và lãi suất phạt trả chậm theo đơn giá trong Hợp đồng 05 cho đến khi hoàn tất việc bàn giao cho Nguyên đơn bãi thi công nguyên trạng như khi nhận với số tiền 2.025.817.155 đồng tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2022.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí trọng tài và chi phí pháp lý liên quan đến tranh chấp số 28/22, gồm: Tiền phí trọng tài: 466.026.000 đồng; và Tiền tạm ứng công tác phí trọng tài viên mà Nguyên đơn đã nộp: 12.000.000 đồng.

Theo trình bày của Bị đơn tại văn bản “Bản trình bày quan điểm bảo vệ” đề ngày 20 tháng 9 năm 2022, các tài liệu khác trong hồ sơ Vụ tranh chấp và Phiên họp:

Đến thời điểm hết tháng 6 năm 2021, Bị đơn “không còn nhu cầu thuê bến bãi để phục vụ cho việc thi công Dự án, do đó mục đích thuê đã không còn”, Bị đơn “*có toàn quyền chấm dứt Hợp đồng và đã thực hiện việc thông báo theo Thông báo số 43/2021/CV-A gửi đến Nguyên đơn*”

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2021, Bị đơn đã đề nghị không tiếp tục thuê nhà xưởng, đồng thời đề nghị được tháo dỡ máy móc, thiết bị của mình ra khỏi nhà xưởng nhưng Nguyên đơn đã cản trở việc tháo dỡ này. Sự việc này khiến Bị đơn không thể sử dụng máy móc, thiết bị vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Bị đơn.

Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho Nguyên đơn số tiền thuê còn lại đối với Hợp đồng 05 và Hợp đồng 06 là 10.502.138.989 đồng. Trong đó, số tiền theo Hợp đồng 05 là 2.664.803.406 đồng và số tiền theo Hợp đồng 06 là 7.837.335.583 đồng.

Bị đơn cho rằng việc Nguyên đơn tính lãi chậm trả đến ngày 31 tháng 3 năm 2022 dựa trên số tiền 4.326.445.088 đồng đối với Hợp đồng 05 và 7.935.816.516 đồng đối với Hợp đồng 06 là không có căn cứ.

Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn hoàn trả đầy đủ toàn bộ máy móc, thiết bị cho Bị đơn với giá trị là 23.677.898.799 đồng và tiền thuê máy móc, thiết bị tại nhà xưởng kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2021 đến nay.

Ngày 20/9/2022 Hội đồng trọng tài đã tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp số 28/22. Căn cứ các quy định của pháp luật Việt Nam, quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm V, Hội đồng trọng tài đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn các khoản tiền sau:

1.1. Tiền nợ gốc theo Hợp đồng 05 là: 3.682.674.596 đồng (Bằng chữ: Ba tỉ sáu trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng Việt Nam);

1.2. Tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng 05 là: 855.239.906 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm linh sáu đồng Việt Nam);

1.3. Tiền nợ gốc theo Hợp đồng 06 là: 7.837.335.583 đồng (Bằng chữ: Bảy tỉ tám trăm ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi ba đồng Việt Nam); và

1.4. Tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng 06 là: 2.196.419.959 đồng (Bằng chữ: Hai tỉ một trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn chín trăm năm mươi chín đồng Việt Nam).

2. Do Nguyên đơn đã thanh toán toàn bộ phí trọng tài, Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền phí trọng tài là 444.215.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng Việt Nam).

3. Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nêu trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết Trọng tài này. Trường hợp Bị đơn chậm thanh toán khoản tiền nêu tại Mục IV.1.1 và IV.1.3, Bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho Nguyên đơn theo mức lãi suất 0,0493%/ngày tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Trường hợp Bị đơn chậm thanh toán khoản tiền nêu tại Mục IV.1.2, IV.1.4 và IV.2, Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Không đồng ý với phán quyết Trọng tài, ngày 18/11/2022 Công ty A nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài với lý do: Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là tài liệu chưa có giá trị chứng minh. Cụ thể:

Thứ nhất: Hợp đồng 05 Công ty A chỉ sử dụng mặt bằng thực tế đến ngày 30/6/2021 và đã gửi công văn số 43/2021/CV-A đề nghị bàn giao toàn bộ các hạng mục tại mặt bằng thuê để PVMS sử dụng, đề nghị PVMS không tính tiền thuê mặt bằng theo hợp đồng 05 tính đến ngày 30/6/2021.

Thứ hai: Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, PVMS thừa nhận đã tiếp nhận bàn giao nhà xưởng, máy móc của Công ty A từ ngày 1/7/2021. Đây chính là việc tiếp nhận ý chí theo công văn số 43/2021.CV-A và trên thực tế PVMS đã nhận toàn bộ mặt bằng, nhà xưởng, thiết bị sử dụng từ ngày 1/7/2021. Như vậy Công ty A không sử dụng mặt bằng từ ngày 1/7/2021 nên không phải thanh toán tiền thuê kể từ thời điểm 1/7/2021.

Thứ ba: Hoá đơn số 216,217 không có giá trị để chứng minh bởi nguyên đơn căn cứ vào ảnh chụp tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa bà Nguyễn Thị Mai N và bà Nguyễn Thị H. Bà H và bà N không phải là người đại diện hợp pháp của 02 bên nên không phải là ý kiến chính thức thừa nhận hoặc phản đối 02 hoá đơn GTGT này. Hợp đồng 05 cũng không quy định hoá đơn GTGT qua ứng dụng Zalo. Mục 3.7 Hợp đồng quy định Hoá đơn GTGT được gửi về địa chỉ của Công ty A hoặc địa chỉ nào khác mà Công ty A chỉ định. Thực tế Công ty A không nhận được hoá đơn 216,217. Mặt khác Zalo không được các bên thoả thuận là hình thức trao đổi hợp lệ trong quá trình thực hiện hợp đồng. Vì vậy ảnh chụp tin nhắn trên Zalo giữa bà Nguyễn Thị Mai N và bà Nguyễn Thị H không phải là chứng cứ có giá trị chứng minh để làm căn cứ giải quyết.

Bên liên quan - Công ty D trình bày: Từ tháng 8/2020 đến tháng 1/2022 hai bên có nhiều văn bản, cuộc họp để thống nhất nội dung Công ty A thanh toán cho Công ty D nhưng Công ty A không thực hiện những nội dung đã thống nhất. Do Công ty A không thực hiện trách nhiệm theo quy định của hợp đồng, việc đàm phán sau khi xảy ra tranh chấp không đạt được kết quả mặc dù những nội dung đã được hai bên nhất trí bằng văn bản cũng không được Công ty A thực hiện. Vì vậy Công ty D có đơn khởi kiện tại Trung tâm V là đúng với quy định của pháp luật. Công ty D không đồng ý hủy phán quyết và cho rằng các lý do đề nghị hủy phán quyết của bên yêu cầu là không có căn cứ, nhằm kéo dài thời gian trả nợ.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu:

Bên yêu cầu do ông Nguyễn Trung K và ông Phạm Anh H làm đại diện theo uỷ quyền của Công ty A vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Toà án xem xét hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 28/22 ngày 19/10/2022 như đã nêu trên. Ngoài ra ông K và

ông H còn trình bày Hội đồng trọng tài dựa trên chứng cứ không có giá trị chứng minh để buộc Công ty A phải thanh toán theo các hoá đơn 216,217.

Bên liên quan do ông Nguyễn Đình H và ông Kiều T làm đại diện theo uỷ quyền của Công ty D không đồng ý hủy phán quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục thụ lý: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý hồ sơ việc thông báo cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Trung tâm V, Bên yêu cầu và Bên liên quan đúng quy định và giải quyết vụ việc đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm g khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại.

Tại phiên họp Hội đồng xét đơn yêu cầu đã thực hiện đúng qui định tại Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại.

- Bên yêu cầu, Bên liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Luật Trọng tài thương mại và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xét về nội dung Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 28/22, bên yêu cầu đưa ra căn cứ hủy phán quyết đó là Phán quyết trọng tài không phản ánh đúng kết quả phiên họp, chấp nhận chứng cứ không đúng là tài liệu qua Zalo không được Công ty đồng ý. Văn bản không được gửi theo đúng địa chỉ đã thoả thuận trong hợp đồng. Phán quyết Trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Ngày 18/11/2022, Công ty A có đơn khởi kiện đến TAND thành phố Hà Nội, tuy nhiên cho đến nay đương sự không có thêm tài liệu nào khác. Đương sự không chứng minh được các căn cứ để Hủy phán quyết trọng tài cũng như phán quyết đã không phản ánh đúng nội dung phiên họp và sử dụng tài liệu chứng cứ không đúng nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Đối với phương thức liên lạc gửi thông tin qua zalo giữa bà M và bà N là nhân viên của hai công ty, tại phiên tòa đại diện công ty D xác nhận: các bên có nhiều Hợp đồng, đã làm việc với nhau nhiều lần, các bên đều liên lạc qua zalo gửi hóa đơn. Đại diện công ty A không có ý kiến phản đối, phản bác. Như vậy đủ căn cứ xác định phần nhận định của Trung tâm V tại Phán quyết trọng tài và chứng cứ mà Trọng tài căn cứ để ban hành phán quyết được thu thập đúng trình tự, có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định pháp luật Việt Nam.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu của Công ty

A. Về lệ phí giải quyết theo quy định.

XÉT THẤY

1. Về thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu yêu cầu: Ngày 19/10/2022, Trung tâm V ban hành Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 28/22.

Ngày 18/11/2022, Công ty A nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài nằm trong thời hạn được Tòa án xem xét theo quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

2. Xét yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty A:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Điều 11.2 Hợp đồng 05 và Điều 12.2 Hợp đồng 06 quy định: *“Bất kỳ sự khác biệt nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng này (bất kể bản chất của câu hỏi hoặc tranh chấp) sẽ được giải quyết trong khả năng có thể. Nếu không thể hòa giải trong thời hạn 90 ngày, mọi tranh chấp sẽ được giải quyết theo các quy tắc hòa giải & trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội, Việt Nam bởi một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo các quy tắc nói trên. Quyết định hoặc phán quyết do trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với cả Hai Bên”*.

Ngày 29 tháng 04 năm 2022, Trung tâm V đã nhận Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Nguyên đơn đề nghị giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng thuê mặt bằng số PVMS.0119005 (và các bản sửa đổi) và Hợp đồng thuê dịch vụ hậu cần phục vụ thi công trên bãi số PVMS0119006 (và các bản sửa đổi) cùng đề ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, Nguyên đơn gửi Bị đơn văn bản số 0192/22/CTGK-TM&PTKD để thỏa thuận lại về tổ chức trọng tài cụ thể là Trung tâm V để giải quyết tranh chấp. Bị đơn đã nhận được văn bản này vào ngày 20 tháng 4 năm 2022. Tuy nhiên, khi đến thời hạn mà Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phản hồi về tổ chức trọng tài cụ thể (tức là ngày 26 tháng 4 năm 2022), Bị đơn không có phản hồi đối với đề nghị của Nguyên đơn về việc chọn Trung tâm V làm tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp. Tại phiên họp bị đơn không có ý kiến phản đối về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp. Do đó Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm V giải quyết vụ tranh chấp là đúng thẩm quyền.

- Về thành phần Hội đồng trọng tài đúng theo qui định tại Điều 39 của Luật Trọng tài thương mại và Điều 11, Điều 12 Quy tắc tố tụng trọng tài.

- Xét lý do hủy phán quyết trọng tài:

+ Bên yêu cầu cho rằng Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Thấy rằng: Trong quá trình giải quyết Hội đồng Trọng tài cũng đã thực hiện để các bên được quyền bình đẳng, được quyền gửi văn bản, trình bày các ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, thoả thuận về việc giải quyết vụ án, cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Công ty A không nêu được ý kiến cho rằng Hội đồng Trọng tài khi giải quyết đã vi phạm quy định tại điều 3 Bộ Luật dân sự 2015: Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự đó là:

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mọi cam kết, thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

4. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

Tại Phán quyết trọng tài đã quyết định Công ty A là bên phải thực hiện việc thanh toán theo Hợp đồng 05, 06. Việc các bên ký hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó các bên phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự theo khoản 5 điều 3 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy ý kiến của Công ty A cho rằng phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nhưng không chỉ ra được vi phạm nguyên tắc cơ bản nào.

+ Về ý kiến của Công ty A cho rằng chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là tài liệu chưa có giá trị chứng minh. Đó là công văn số 43/2021. CV-A là thông báo chấm dứt hợp đồng, Hoá đơn số 216, 217 được

giao dịch qua zalo giữa 02 người là bà N và bà H không phải là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, Công ty A không nhận được 02 hoá đơn này theo đúng địa chỉ được các bên đã thoả thuận trong hợp đồng nên không phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên họp, công ty A đề nghị Toà án triệu tập người làm chứng – Bà Nguyễn Thị H là người giữ chức vụ Quản lý dịch vụ tại Công ty A để làm rõ tin nhắn trên Zalo. Bà H là người nắm rõ các tình tiết có liên quan đến nội dung làm việc với bà Nguyễn Thị Mai N.

Ý kiến này của bên yêu cầu (là bị đơn trong phán quyết Trọng tài) chính là để xem xét, đánh giá tài liệu để quyết định nội dung vụ tranh chấp. Theo qui định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại: Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại điều 68 của Luật Trọng tài thương mại và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết. Do đó ý kiến này của Công ty A không thuộc phạm vi giải quyết của Hội đồng xét đơn yêu cầu nên việc triệu tập người làm chứng là không cần thiết.

Từ những phân tích trên thấy rằng Công ty A yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số 28/22 ngày 19/10/2022 của Trung tâm V không có căn cứ chấp nhận.

Về lệ phí: Công ty A phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu Hủy phán quyết Trọng tài vụ kiện số 28/22 được lập ngày 19/10/2022 của Hội đồng Trọng tài Trung tâm V về việc giải quyết vụ tranh chấp giữa:

Nguyên đơn: Công ty D

Địa chỉ: Phường T, Thành phố V, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H – Giám đốc

Bị đơn: Công ty A

Địa chỉ: xã Q, huyện A, Thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Tổng giám đốc

2. Về lệ phí: Công ty A phải chịu 500.000 đồng lệ phí giải quyết việc kinh doanh thương mại, được trừ vào số tiền Công ty đã nộp tạm ứng 500.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001285 ngày 22/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày ký, các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Các bên;
- Hội đồng trọng tài;
- Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thuý Linh